TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H1 phúc**

Bản án số: **24**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Huỳnh Đạt Vân**

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ann Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 420/2025/TLDS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2025, về việc *"Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp HL, xã TL, tỉnh AG.

**** Bị đơn:*** Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HL, xã TL, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*** Bà và ông Võ Văn L tự quen biết nhau và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hòa thuận và có 04 người con chung Võ Thị H1, sinh năm

1990; Võ Thị Bé N, sinh năm 1993, Võ Mỹ T, sinh năm 1995 và Võ Văn Q, sinh năm 1998 nhưng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu H có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Võ Văn L.

- Về việc nuôi con chung: Có 04 người con chung Võ Thị H1, sinh năm 1990; Võ Thị Bé N, sinh năm 1993, Võ Mỹ T, sinh năm 1995 và Võ Văn Q, sinh năm 1998. Đến nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh ông Võ Văn L trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Võ Văn L đã có ý kiến trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung ông Võ Văn L xác nhận đúng như bà Nguyễn Thị Thu H trình bày và ông Võ Văn L cũng xác định:

- Về hôn nhân: Thống ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về việc nuôi con chung: Do các người con chung Võ Thị H1, sinh năm 1990; Võ Thị Bé N, sinh năm 1993, Võ Mỹ T, sinh năm 1995 và Võ Văn Q, sinh năm 1998. Đến nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Cam đoan không có không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Văn L. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *"Tranh chấp xin ly hôn"*.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu theo đúng quy định của pháp luật *(có xác nhận của chính quyền địa phương)* trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay.

[3.1] Xét về về mối quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình thì mối quan hệ của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L không được công nhận là vợ cH.

[3.2] - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L xác định trong thời gian chung sống thì ông bà có chung 04 người con chung Võ Thị H1, sinh năm 1990; Võ Thị Bé N, sinh năm 1993, Võ Mỹ T, sinh năm 1995 và Võ Văn Q, sinh năm 1998 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.3] - Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L xác định không có nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.4] - Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Văn L xác định không có nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng bà được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009924 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà **Nguyễn Thị Thu H** và ông **Võ Văn L** là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng bà được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009924 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 3-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Châu Thành, An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Đẩu